

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: **07/2018/DS-ST**

Ngày: 07-02-2018.

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thanh Loan**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Quang Trí**.

2. Ông **Đào Khel**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Chí Thức**, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 07 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 232/2017/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng T.

Địa chỉ: đường H, Quận H, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông **Lâm Hồng S**, sinh năm 1979. Trú tại đường T, phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Chức vụ: Phó phòng quản lý rủi ro của Ngân hàng T – Chi nhánh S là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (có mặt).

2. Bị đơn: Bà **Lý Thị Ngọc H**, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: đường T, khóm A, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/11/2017 của nguyên đơn Ngân hàng T cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lâm Hồng S trình bày:

Bà Lý Thị Ngọc H có ký hợp đồng tín dụng số 742/2016/0000322 vào ngày 26/01/2016 với Ngân hàng T (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) để vay số tiền 65.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân; Lãi suất vay trong hạn 10%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Ngày 01/4/2016 tăng lãi suất cho vay trong hạn từ 10%/năm lên 10,7%/năm, ngày 09/6/2016 tăng lãi suất

trong hạn từ 10,7%/năm lên 11,8%/năm. Thời hạn vay 60 tháng, ngày vay 26/01/2016 đến hạn ngày 26/01/2021, quá hạn ngày 10/02/2017. Hình thức vay là tín chấp và không có tài sản thế chấp đảm bảo nợ vay trên.

Thực hiện hợp đồng, bà H đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân từ khi vay vốn ngày 26/01/2016 đến ngày 15/3/2017 bà H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền vốn 14.254.000 đồng và số tiền lãi từ ngày 14/01/2016 đến ngày 15/3/2017 đã thanh toán 5.850.589 đồng. Từ ngày 10/5/2016 thì bà H không thanh toán lần nào nữa dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở.

Tính đến ngày 07/02/2018 bà Lý Thị Ngọc H còn nợ Ngân hàng số tiền vốn và lãi là 58.175.290 đồng, trong đó nợ gốc 50.746.000 đồng và nợ lãi tạm tính đến hết ngày 07/02/2018 là 7.429.290 đồng (gồm lãi trong hạn 7.078.427 đồng, lãi quá hạn là 350.863 đồng).

Nay Ngân hàng T yêu cầu Toà án giải quyết:

Buộc bà Lý Thị Ngọc H trả cho Ngân hàng T số tiền vốn và lãi là 58.175.290 đồng, trong đó nợ gốc 50.746.000 đồng và nợ lãi tạm tính đến hết ngày 07/02/2018 là 7.429.290 đồng (gồm lãi trong hạn 7.078.427 đồng, lãi quá hạn là 350.863 đồng) và tiền lãi phát sinh theo mức lãi quy định tại hợp đồng cho đến khi tất toán nợ gốc, việc thanh toán một lần ngay sau khi quyết định, bản án của Tòa án có hiệu lực.

Tại phiên hòa giải ngày 17/01/2018 và tại phiên tòa, bị đơn bà Lý Thị Ngọc H trình bày:

Bà H thừa nhận có ký hợp đồng số 742/2016/0000322 vào ngày 26/01/2016 với Ngân hàng để vay số tiền 65.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, lãi suất thỏa thuận như đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày là đúng. Bà H đã nhận đủ tiền 65.000.000 đồng, trả dần mỗi tháng trả khoảng 1.500.000 đồng, trả bằng hình thức trừ lương hàng tháng. Từ khi vay vốn ngày 26/01/2016 đến ngày 15/3/2017 bà H đã trả cho Ngân hàng số tiền vốn 14.254.000 đồng và tổng số tiền lãi đã trả 5.850.589 đồng. Từ đó đến nay không có trả vốn, lãi cho Ngân hàng. Tính đến ngày 07/02/2018 bà H còn nợ Ngân hàng T số tiền vốn và lãi là 58.175.290 đồng, trong đó nợ gốc 50.746.000 đồng và nợ lãi tạm tính đến hết ngày 07/02/2018 là 7.429.290 đồng (gồm lãi trong hạn 7.078.427 đồng, lãi quá hạn là 350.863 đồng).

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H có ý kiến như sau: Bà H đồng ý trả toàn bộ số tiền vốn và theo yêu cầu của Ngân hàng cùng với tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng cho đến khi tất toán nợ gốc cho Ngân hàng T nhưng do điều kiện hoàn cảnh gia đình bà H đang gặp khó khăn về kinh tế nên bà H xin đến ngày 20/4/2018 sẽ trả số tiền vốn 20.000.000 đồng, số tiền vốn còn lại và tiền lãi thì sẽ trả từ tháng 5/2018 trở về sau mỗi tháng trả 1.500.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Xét về nội dung vụ án thì thấy:

Tại hồ sơ và tại Tòa giữa nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận vào ngày 26/01/2016 giữa Ngân hàng T, Chi nhánh S - Phòng giao dịch thành phố S với bên vay là bà Lý Thị Ngọc H có ký Hợp đồng tín dụng số 742/2016/0000322, bảng kê rút vốn/hợp đồng tín dụng cụ thể giữa Ngân hàng T, Chi nhánh S - Phòng giao dịch thành phố S với bên vay là bà Lý Thị Ngọc H với số tiền là 65.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất vay là 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, ngày 01/4/2016 tăng lãi suất cho vay trong hạn từ 10%/năm lên 10,7%/năm, ngày 09/6/2016 tăng lãi suất trong hạn từ 10,7%/năm lên 11,8%/năm. Mục đích vay tiêu dùng. Sau khi vay do khó khăn về kinh tế nên đến nay bà H mới trả cho Ngân hàng số tiền vốn 14.254.000 đồng và số tiền lãi từ ngày 14/01/2016 đến ngày 15/3/2017 đã thanh toán 5.850.589 đồng, chưa trả số vốn và lãi còn lại theo hợp đồng.

Như vậy trên thực tế giữa Ngân hàng T, Chi nhánh S - Phòng giao dịch thành phố S với bà Lý Thị Ngọc H có giao kết hợp đồng tín dụng vay số tiền là 65.000.000 đồng, các bên tiến hành giao kết trên nguyên tắc tự nguyện, hình thức và nội dung của Hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hợp đồng tín dụng trên có giá trị pháp lý và buộc các bên phải thực hiện theo đúng hợp đồng. Tuy nhiên, sau khi vay bà H không thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo đúng cam kết.

Hiện nay bà H còn nợ Ngân hàng T, Chi nhánh S - Phòng giao dịch thành phố S số tiền vốn và lãi là 58.175.290 đồng, trong đó nợ gốc 50.746.000 đồng và nợ lãi tạm tính đến hết ngày 07/02/2018 là 7.429.290 đồng (gồm lãi trong hạn 7.078.427 đồng, lãi quá hạn là 350.863 đồng). Xét thấy bà H đã nhận tiền vốn vay của Ngân hàng số tiền là 65.000.000 đồng nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả tiền vốn và lãi theo thỏa thuận, tính đến nay bà H mới trả cho Ngân hàng số tiền vốn là 14.254.000 đồng còn nợ lại tiền vốn số tiền 50.746.000 đồng là vi phạm vào mục số 05 của hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Vì vậy, cần buộc bà H phải trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay 50.746.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về lãi suất: Ngân hàng T yêu cầu tính lãi suất trong hạn 11,8%/năm. Lãi quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Xét thấy, mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập Hợp đồng là 10%/năm, đến ngày 01/7/2016 điều chỉnh 11,8%/năm theo thông báo số 40a/TB-PGDTPST, ngày 23/6/2016 là phù hợp với quy định của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Tại Tòa bà H thống nhất về số tiền lãi trong hạn, quá hạn và mức lãi suất, thời gian tính lãi nêu trên. Nên yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể nợ lãi tạm tính đến hết ngày 07/02/2018 là 7.429.290 đồng (lãi trong hạn 7.078.427 đồng, lãi quá hạn là 350.863 đồng).

Như vậy, tổng số tiền vốn và tiền lãi vay mà bà H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng T là 58.175.290 đồng, trong đó nợ gốc 50.746.000 đồng và nợ lãi tạm tính đến hết ngày 07/02/2018 là 7.429.290 đồng (gồm lãi trong hạn 7.078.427 đồng, lãi quá hạn là 350.863 đồng).

[3]. Xét lời trình bày của bị đơn bà Lý Thị Ngọc H:

Bà H đồng ý trả toàn bộ số tiền vốn và lãi nêu trên cho Ngân hàng nhưng vì hiện nay hoàn cảnh kinh tế của bà đang gặp khó khăn, xin được trả dần đến cuối tháng 4 năm 2018 sẽ trả số tiền vốn 10.000.000 đồng, số tiền vốn còn lại và tiền lãi thì sẽ trả từ tháng 5/2018 trở về sau mỗi tháng trả 1.500.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Yêu cầu này của bà H không được người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí. Bà Lý Thị Ngọc H phải chịu án phí số tiền 2.908.764 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng T.

2. Buộc bà Lý Thị Ngọc H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng T tổng số tiền vốn và lãi vay là 58.175.290 đồng, trong đó nợ gốc 50.746.000 đồng và nợ lãi tạm tính đến hết ngày 07/02/2018 là 7.429.290 đồng (gồm lãi trong hạn 7.078.427 đồng, lãi quá hạn là 350.863 đồng).

Kể từ ngày 08/02/2018 bà Lý Thị Ngọc H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà bà Lý Thị Ngọc H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng T cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng T.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lý Thị Ngọc H phải chịu số tiền 2.908.764 đồng.

Ngân hàng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.417.000 đồng theo biên lai thu số 0008628 ngày 12/12/2017 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án

dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND - TPST;
- Thi hành án DS - TPST;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thanh Loan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thanh Loan

